

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Yên Thanh

Mã ĐVQHNS: 1077536

Mã cấp NS: 3



Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 04/10/2023 11:09:59
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Uông Bí - Quảng
Ninh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2023

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	0	75.875.000	312.603.000	312.603.000	24.322.000	108.923.040	0	0	0	203.679.960
13	072	00000	0	7.052.650.000	0	7.052.650.000	7.052.650.000	1.785.395.406	5.222.273.043	0	0	0	1.830.376.957
Cộng:			0	7.052.650.000	75.875.000	7.365.253.000	7.365.253.000	1.809.717.406	5.331.196.083	0	0	0	2.034.056.917
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Vũ Thị Thanh Hiền

Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 04/10/2023 11:09:59
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Uông Bí - Quảng Ninh

Đinh Tiến Quân

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 10 năm 2023

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đỗ Thị Hằng
Ngày ký: 04/10/2023 07:35:47
Đơn vị: Trường tiểu học Yên Thanh

Đỗ Thị Hằng

Người ký: Nguyễn Thị Kim Cúc
Ngày ký: 04/10/2023 08:07:31
Đơn vị: Trường tiểu học Yên Thanh

Nguyễn Thị Kim Cúc

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường tiểu học Yên Thanh

Mã ĐVQHNS: 1077536

Mã cấp NS: 3



Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 04/10/2023 11:09:59
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Ung Bì - Quảng
Ninh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

biob:https://dvc.vst.moi.gov.vn/4200003

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2023

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	0	0	854.694.000	2.299.578.914	854.694.000	2.299.578.914
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	0	0	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
Tiền công khác	13	072	6099	00000	0	0	0	45.000.000	0	45.000.000
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	0	0	12.420.000	32.982.000	12.420.000	32.982.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	072	6105	00000	0	0	0	13.159.796	0	13.159.796
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	0	0	290.574.900	774.318.300	290.574.900	774.318.300
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	0	0	1.620.000	4.302.000	1.620.000	4.302.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	0	0	138.961.452	368.581.177	138.961.452	368.581.177
Chi khác	13	072	6299	00000	0	0	7.865.000	25.031.000	7.865.000	25.031.000
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	0	0	178.709.402	483.424.081	178.709.402	483.424.081
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	0	0	30.635.898	82.692.701	30.635.898	82.692.701
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	0	0	20.423.931	55.248.466	20.423.931	55.248.466
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	0	0	10.211.967	27.624.235	10.211.967	27.624.235
Chi khác	13	072	6449	00000	0	0	2.088.000	11.311.100	2.088.000	11.311.100
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	15.971.506	26.939.025	15.971.506	26.939.025
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	6.387.840	20.911.275	6.387.840	20.911.275

Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
Văn phòng phẩm	13	072	6551	00000	0	0	11.821.310	43.738.310	11.821.310	43.738.310
Khoản văn phòng phẩm	13	072	6553	00000	0	0	11.000.000	11.000.000	11.000.000	11.000.000
Vật tư văn phòng khác	13	072	6599	00000	0	0	27.303.200	87.378.200	27.303.200	87.378.200
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	13	072	6601	00000	0	0	132.000	396.000	132.000	396.000
Tiền vé máy bay, tàu, xe	13	072	6701	00000	0	0	520.000	1.178.000	520.000	1.178.000
Phụ cấp công tác phí	13	072	6702	00000	0	0	1.500.000	2.400.000	1.500.000	2.400.000
Tiền thuê phòng ngủ	13	072	6703	00000	0	0	4.950.000	6.850.000	4.950.000	6.850.000
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	0	0	3.000.000	9.000.000	3.000.000	9.000.000
Thuê lao động trong nước	13	072	6757	00000	0	0	45.000.000	135.000.000	45.000.000	135.000.000
Nhà cửa	13	072	6907	00000	0	0	18.805.000	18.805.000	18.805.000	18.805.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	13	072	6912	00000	0	0	5.950.000	17.120.000	5.950.000	17.120.000
Đường điện, cấp thoát nước	13	072	6921	00000	0	0	0	26.565.933	0	26.565.933
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	13	072	6949	00000	0	0	0	36.250.000	0	36.250.000
Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	13	072	7004	00000	0	0	3.810.000	3.810.000	3.810.000	3.810.000
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	44.780.000	384.546.500	44.780.000	384.546.500
Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	13	072	7757	00000	0	0	0	4.728.900	0	4.728.900
Chi các khoản khác	13	072	7799	00000	0	0	17.660.000	143.802.130	17.660.000	143.802.130
Phụ cấp khác	12	072	6149	00000	0	0	0	57.085.484	0	57.085.484
Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)	12	072	6151	00000	0	0	0	6.515.556	0	6.515.556
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	12	072	6157	00000	0	0	0	21.000.000	0	21.000.000
Tiền điện	12	072	6501	00000	0	0	4.322.000	4.322.000	4.322.000	4.322.000
Vật tư văn phòng khác	12	072	6599	00000	0	0	5.500.000	5.500.000	5.500.000	5.500.000
Chi các khoản khác	12	072	7799	00000	0	0	14.500.000	14.500.000	14.500.000	14.500.000
Cộng:					0	0	1.809.717.406	5.331.196.083	1.809.717.406	5.331.196.083
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 10 năm 2023

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Vũ Thị Thanh Hiền

Người ký: Đinh Tiến Quân
Ngày ký: 04/10/2023 11:09:59
Chức danh: Trưởng phòng
Đơn vị: KBNN Uông Bí - Quảng Ninh

Đinh Tiến Quân

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 10 năm 2023

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Đỗ Thị Hằng
Ngày ký: 04/10/2023 07:55:47
Đơn vị: Trường tiểu học Yên Thành

Đỗ Thị Hằng

Người ký: Nguyễn Thị Kim Cúc
Ngày ký: 04/10/2023 08:07:34
Đơn vị: Trường tiểu học Yên Thành

Nguyễn Thị Kim Cúc